

Số/No: 173./2025/TB-VFCVND-TGD

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

Hanoi, 11 December 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/ To :
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam/ Viet Nam Securities Depository And Clearing Corporation
- Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants and Investors

- Tên CTQLQ/ Fund Management Company: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company

- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Thành/ Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Ha Thanh Branch

- Tên Quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF VFCVN DIAMOND/ VFCVN DIAMOND ETF

- Mã chứng khoán/ Securities code: **FUETPVND**

- Địa chỉ/ Address : Tầng 11, tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, P. Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội/ 11F, Doji Tower, No. 5 Le Duan, Van Mieu-Quoc Tu Giam Ward, Ha Noi

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:

- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date:

10/12/2025

- Đơn vị tính/Unit : 1 lô ETF tương đương 100,000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT/Order	Mã chứng khoán/Securities Code	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND) Volume/Amount	Tỷ lệ % trong danh mục/ Weight (%)
I. Chứng khoán/Stock		1,134,620,000	99.67%
1	ACB	3,200	6.77%
2	BMP	100	1.38%
3	CTD	200	1.50%
4	CTG	500	2.20%
5	FPT	2,000	17.02%
6	GMD	1,100	5.65%
7	HDB	1,500	4.15%
8	KDH	1,400	4.10%
9	MBB	2,900	6.29%
10	MSB	1,600	1.80%
11	MWG	2,100	15.50%
12	NLG	1,100	3.41%
13	OCB	500	0.54%
14	PNJ	1,100	8.55%
15	REE	700	3.86%
16	TCB	2,900	8.61%
17	TPB	1,200	1.78%
18	VPB	2,600	6.57%
II. Tiền/Cash		3,797,427	0.33%
III. Tổng/Total (=I+II)		1,138,417,427	100%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value:

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value:

1,134,620,000 VND

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF:

1,138,417,427 VND

- Giá trị chênh lệch/ Spread in value:

3,797,427 VND

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ With subscription order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

+ Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền (nếu có)/ In case stock can be replaced by cash:

Mã chứng khoán/Securities Code	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)/ Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied investors	Lý do/ State the Reason
FPT	106,590	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company	Hạn chế đầu tư cổ phiếu của người liên quan /Restrictions on investment in related person shares
TPB	18,590	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company, Tien Phong Securities Joint Stock Company	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ, Nhà Đầu Tư hạn chế đầu tư /Restrictions on investment in parent company shares, Investor is restricted from investing.

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ State if component securities shall have corporate action (if any):

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ Other information (if any):

Các chỉ tiêu khác/ Other criteria

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period 10/12/2025(*)	Kỳ trước/ Last period 09/12/2025(**)	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued			
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed			
3. Tổng số lượng CCQ đã đăng ký niêm yết/ Issued Shares	5,600,000	5,600,000	
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	11,850	11,850	
5. Giá trị tài sản ròng/ Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	63,751,375,964	64,405,984,193	-654,608,229
của một lô ETF/per Creation Unit	1,138,417,427	1,150,106,860	-11,689,433
của một chứng chỉ quỹ/per Share	11,384.17	11,501.06	-116.89
6. Chỉ số tham chiếu/ Benchmark Index	2,541.62	2,550.68	-9.06

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 09/12/2025/Item 5 is net asset value calculated as at December 09, 2025

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 08/12/2025/Item 5 is net asset value calculated as at December 08, 2025

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised representative of Fund Management Company

